

Số: 227 /BC-MNDB

Diễn châu, ngày 13 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON - NĂM 2025

*(Theo Thông tư 09/TT-BGD&ĐT, ngày 03 tháng 6 năm 2024 của bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Diễn Bích.

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Xóm Quyết thành Diễn Bích, xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, địa chỉ thư điện tử mn dienbich.dc@nghean.edu.vn, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử). Feacboock Trường MN Diễn Bích.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục;

Trường hạng I, trường công lập tự chủ một phần kinh phí. UBND xã Diễn Châu quản lý và trực thuộc SGD&ĐT Nghệ An.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

* **Sứ mạng:** Với phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng rèn luyện kỹ năng, khám phá, trải nghiệm. Xây dựng môi trường giáo dục An toàn - Thân thiện - Hạnh phúc, truyền cảm hứng, năng động sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao, với phương châm "Cháu mạnh khỏe vui vẻ - Cô hạnh phúc – phụ huynh yên lòng".

* **Tầm nhìn:** Từ năm 2025 đến 2030 nhà trường đang từng bước xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ I, kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2. Trường phấn đấu năm 2029-2030 được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ I.

* **Mục tiêu:** Nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt kết quả mong đợi theo VBHN số 01, trẻ có tính độc lập-sự tự tin-tính kỷ luật-sự tôn trọng-tinh thần hợp tác chia sẻ-tinh yêu thương nhân ái.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Mầm non Diễn Bích được thành lập năm 1996. Năm 2011, được chuyển đổi từ trường mầm non bán công sang trường mầm non công lập tự chủ một phần kinh phí theo Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 25/1/2011 của UBND huyện Diễn Châu. Trường mầm non Diễn Bích có 1 điểm đặt ở vị trí trung tâm, tại Xóm quyết thành, Diễn Bích, xã Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, thuận lợi cho việc phụ huynh đưa trẻ đến trường. Trường có tổng diện tích 3,000 m², Có 3 dãy nhà kiên cố 13 phòng học kiên cố. Các phòng chức năng và phòng quản trị hành chính: 8 phòng chức năng và các phòng hành chính gồm các phòng sau: 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 kế toán, 01 y tế, 01 phòng văn phòng, 01 nhân viên (Hiện còn phòng bảo vệ, nhà xe, khu vệ sinh nhân viên, nhà bếp, sân, tường bao, cổng đang từng bước xây dựng) phấn đấu được

công nhận chuẩn quốc gia năm học 2029-2030. Trường đã có một số về thành tích đạt tập thể LĐTT, Chi bộ đạt vững mạnh, , công đoàn HTTNV. HTXSNV

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ.

Người đại diện pháp luật: Trần Thị Luyên – Hiệu trưởng trường MN Diễn Bích; 0366392019; luyenthanh71@gmail.com.

Người đại diện liên hệ: Cao Thị Nhung – Phó Hiệu trưởng trường MN Diễn Bích; 0978890260; nhungmndb@gmail.com.

Người đại diện liên hệ: Nguyễn Thị Kim Liên – Phó Hiệu trưởng trường MN Diễn Bích; 0975385558; Thieulien83@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường, có chi bộ, tổ chức đoàn thanh niên, tổ chuyên môn, các hội đồng khác, có ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 2492/QĐ-UBND ngày 22/8/2024 của UBND huyện Diên Châu về việc luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Trần Thị Luyên HT);

Quyết định số 2737/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Cao Thị Nhung PHT);

Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND xã Diên Châu về việc luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học (bà Nguyễn Thị Kim Liên PHT);

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục; (Tại Văn phòng)

d) Quyết định thành lập trường

Quyết định số: 145/QĐ-UBND ngày 25/01/2010 của UBND huyện Diên Châu về việc thành lập trường Mầm non.

Quyết định số: 1015/QĐ-UBND ngày 10/6/2011 của UBND huyện Diên Châu về việc chuyển đổi loại hình trường mầm non.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

Bà: Trần Thị Luyên – Hiệu trưởng trường MN Diên Bích; 0366392019; luyenthanh71@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể)

Bà: Cao Thị Nhung – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Bích : 0978890260; nhungmndb@gmail.com. (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể)

Bà: Nguyễn Thị Kim Liên – Phó Hiệu trưởng trường MN Diên Bích; 0975385558; Thieulien83@gmail.com (có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể)

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: 37 người trong đó biên chế: 27 người ; hợp đồng 10 người

- Cán bộ quản lý: 03; Hiệu trưởng: 1; PHT: 02
 - Giáo viên: 23;
 - Nhân viên: 11; Biên chế: 01 (Kế toán); hợp đồng trường: 10, Nấu ăn: 8, Văn phòng kiêm y tế: 01; Bảo vệ: 01

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

Năm học 2024- 2025	Tổng số	Trình độ Đại học	Trình độ Cao đẳng	Trình độ Trung cấp	GVMN hạng II	GVMN hạng III
CBQL	03	03	-	-	03	-
GV	23	13	10	0	13	10
NV	01	01				
NVHD	10	01	Chứng chỉ nấu ăn			

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Tổng diện tích đất sử dụng hiện tại: 3,000 m²; Diện tích bình quân/học sinh: 7.5 m²/trẻ, so với yêu cầu tối thiểu quy định 12 m²/trẻ (Chưa đủ)

2. Toàn trường có 13 phòng học kiên cố . Các phòng chức năng và phòng quản trị hành chính : 8 phòng chức năng và các phòng hành chính gồm các phòng sau : 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng hiệu trưởng ,01 phòng phó hiệu trưởng ,01 kế toán ,01 y tế, 01 phòng văn phòng ,01 nhân viên (Hiện còn phòng bảo vệ ,nhà xe ,khu vệ sinh nhân viên ,nhà bếp, sân ,tường bao ,cổng đang từng bước xây dựng)

TT	Tên phòng	Số lượng	Ghi chú
I	Phòng học	13	
II	Phòng chức năng	02	
	Phòng đa năng (thể chất giáo dục)	1	Đang xây dựng
	Phòng âm nhạc	1	
	Bếp 1 chiều	01	Bếp tạm (có KH xây)
III	Khối phòng phụ trợ		
	Phòng Hiệu trưởng	1	
	Phòng Phó hiệu trưởng	1	
	Phòng họp	1	
	Hành chính quản trị	1	
	Phòng nhân viên	1	
	Phòng Y tế	1	
	Phòng bảo vệ	1	Đang xây dựng
IV	Phòng khác		
	Nhà xe	02	Đang xây dựng
	Nhà vệ sinh CBGVNV	2	Đang xây dựng

	Cổng trường	02	Đang xây dựng
	Bờ bao		Đang xây dựng
V	Sân chơi – thiết bị đồ chơi		
	Sân chung toàn trường	1	Đang xây dựng
	Sân bóng đá trẻ	0	
	Vườn trường	0	
	Đồ chơi ngoài trời	03	
VI	Thiết bị và công nghệ		
	Đàn	10	
	Loa máy	02	
	Máy tính	5	
	Đồ dùng thiết bị các nhóm lớp	07	
	Ti vi	13	
	Tủ lạnh	01	
	Đường truyền Internet	01	
	Thiết bị nhà bếp		
	Đồ dùng thiết bị các nhóm, lớp đủ theo quy định.	13	

Đồ chơi thiết bị dạy học theo VBHN số 01 đủ 07/13 nhóm lớp: Ti vi, bàn, ghế học sinh, phản ngủ, đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy họcđảm bảo thực hiện tốt theo Chương trình GDMN.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

TT	Mốc thời gian, năm học	Số quyết định, văn bản công nhận	
		Kiểm định chất lượng GD	Đạt trường chuẩn quốc gia
2	2029-2030	Cấp độ 2 (dự kiến)	Mức độ I (dự kiến)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

- Trẻ ăn bán trú 100% tại trường, mức ăn 20.000đ/trẻ/ngày; chất lượng bữa ăn của trẻ được nâng lên, luôn đảm bảo an toàn tuyệt đối về VSATTP.

- 100% trẻ được cân đo, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ 3 lần/năm; khám sức khỏe 1 lần/năm. Số trẻ khám 100%

* Kết quả về nuôi dưỡng:

+ Đầu năm trẻ SDD nhẹ cân:9%, cuối năm giảm 1% so đầu năm 8%

+ Đầu năm trẻ thấp còi: 8,8%, cuối năm 4,1% giảm so với đầu năm 4,7%

+ Đầu năm trẻ béo phì :4,3%, cuối năm 1,9 giảm so với đầu năm 2,4%.

+ Vượt kế hoạch so đầu năm

TT	Mục tiêu lĩnh vực phát triển	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Lĩnh vực phát triển thể chất	96,4%	98,2%
2	Lĩnh vực phát triển nhận thức	92,9%	97,6%
3	Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	96,4%	96.9%
4	Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		95,8%
5	Lĩnh vực phát triển tình cảm XH	96,4%	95%
	Kết quả chung	96%	97%

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

ĐVT:1.000đ

TT	Nội dung	Năm 2024			Năm 2025		
		Thu	Chi	Tồn	Thu	Chi	Tồn
I	Thu ngân sách	5.005.187	5.005.187				
1	Lương và các khoản theo lương	4.424.000	4.424.000				
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	189.000	189.000				
3	Chi hỗ trợ người học (CĐCS)						
4	Chi khác (CM, thường xuyên)	392.187	392.187				
II	Thu học phí	608.488	382.515	225.793			
1	Chi 40% hỗ trợ lương	243.395	147.800	95.595			
2	Chi 60% tăng cường CSVC	365.093	234.715	130.378			
III	Thu khác						
1	Thu chi phí bán trú	1.823.757	1.528.666	295.091			
	Tiền ăn của trẻ	1.387.510	1.098.816	288.694			
	Thuê nấu ăn, chi phí tổ chức	408.247	401.850	6.397			
	Mua sắm vật dụng, đồ dùng(cả năm)	28.000	28.000				
2	Tăng cường tiếng anh	78.783	78.783	0			
	Chi cho trung tâm liên kết 75%	61.118	61.118	0			
	Chi khác tại trường 25%	17.665	17.665	0			
4	Nguồn tài trợ XHH GD	212.200	156.650	64.550			
	Chi tăng cường CSVC	212.200	156.650	64.550			

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

TT	Nội dung	Năm học 2024-2025	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027
1	Học phí quy định/tháng	100.000	Miễn	
2	Thỏa thuận: tiền ăn/ngày	20.000	20.000	
3	Chi phí tổ chức bán trú	424.041.000	440.188.000	
4	Tự nguyện tài trợ	115.200.000		
5	Hội phí	Tự nguyện theo TT 55/2011 và văn bản hướng dẫn		

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

T T	Năm học	Tổng số tiền			
		Miễn, giảm học phí	Hỗ trợ tiền ăn	Chi phí học tập	Chế độ trẻ khuyế t tật
1	Cả năm 2022-2023	12.500.000	28.480.000	10.050.000	
	Học kỳ 1	6.000.000	13.280.000	4.800.000	

	Học kỳ 2	6.500.000	15.200.000	5.250.000		26.950.000
2	Cả năm 2023-2024	10.800.000	25.760.000	8.250.000		44.810.000
	Học kỳ 1	4.800.000	12.160.000	3.000.000		19.960.000
	Học kỳ 2	6.000.000	13.600.000	5.250.000		24.850.000
3	Cả năm 2024-2025	226.950.000	22.240.000	4.650.000		253.840.000
	Học kỳ 1	101.200.000	10.240.000	2.400.000		113.840.000
	Học kỳ 2	125.750.000	12.000.000	2.250.000		140.000.000

VII. Cách thức công khai

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

VIII. Thời gian công khai, trách nhiệm tổ chức thực hiện.

1. Thời điểm công khai của như sau: Ngày 14 tháng 10 năm 2025.

Công bố công khai trong cuộc họp Hội đồng sư phạm. Niêm yết bảng tin.

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm: Tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch công khai của năm 2024 – 2025 và kế hoạch triển khai kế hoạch công khai của năm học 2025 – 2026.

2. Phó Hiệu trưởng: Công khai mẩu hình phụ trách

Kế hoạch giáo dục tháng, trước ngày 25 của tháng trước; công khai theo chủ đề (Đ/c Nhung PHT);

Dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần ngày thứ Bảy của tuần trước (Đ/c Liên PHT);

3. Giáo viên: Kế hoạch giáo dục tuần, ngày; zalo của nhóm, lớp, bảng tin.

4. Nhân viên kế toán: Thực hiện công khai các quỹ có từ ngân sách nhà nước và các quỹ khác trong nhà trường. Thực hiện niêm yết các mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học. Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, chi thường xuyên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị. Báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền. (Đ/c Thương kế toán)

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai. thư điện tử mndienbich.dc@nghean.edu.vn, cổng thông tin điện tử Websitet mamnondienbich.edu.vn.

Nơi nhận:

- Trang websitet
- Tổ CM, bộ phận.(t/h)
- Lưu HS

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Luyên

